

Số: 1966/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 về khuyến công; số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Công Thương: Số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công; số 64/2024/TT-BTC ngày 28/8/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018;

Căn cứ Thông báo số 130/TB-UBND ngày 18/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 17/11/2025;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1451/TTr-SCT ngày 27/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến công tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 (Chương trình kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^{BT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN CÔNG TỈNH HƯNG YÊN
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng nhanh, hiệu quả, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Đẩy mạnh hoạt động khuyến công theo hướng kết hợp giữa Nhà nước và doanh nghiệp theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số; tăng cường hỗ trợ ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất chất lượng, giá trị gia tăng của các sản phẩm công nghiệp nông thôn.

c) Khuyến khích hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững, chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

d) Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia vào các chuỗi giá trị trong nước, khu vực và toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Tập trung hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng máy móc thiết bị dây chuyền công nghệ tiên tiến, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ xây dựng 5 mô hình trình diễn kỹ thuật; hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ tiên tiến trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 119 cơ sở.

b) Tổ chức 03 kỳ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm cho 10 cơ sở công nghiệp nông thôn.

c) Tập trung hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn khởi nghiệp sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh tham gia chuỗi giá trị, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển các mô hình kinh doanh mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

d) Hoàn thiện các văn bản quy định về quản lý kinh phí và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công các cấp.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công, ngành nghề quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (viết tắt là *Nghị định số 45/2012/NĐ-CP*); Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP (viết tắt là *Nghị định số 235/2025/NĐ-CP*).

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công hoặc trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gồm:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường thuộc tỉnh; các làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là *cơ sở công nghiệp nông thôn*, viết tắt là *cơ sở CNNT*).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

đ) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Tập trung đẩy mạnh các hoạt động khuyến công giai đoạn 2026-2030 theo những nội dung chủ yếu sau:

1. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực có chất lượng; nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp

a) Hỗ trợ, đào tạo khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật, giám đốc điều hành; bồi dưỡng nâng cao cho nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp, người có tay nghề cao để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn.

2. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường cho cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Hỗ trợ xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới. Ưu tiên xây dựng các mô hình về chế biến nông, lâm, thủy sản, mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp; mô hình tổ chức sản xuất theo hướng tuần hoàn; mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

b) Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại vào các khâu sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đổi mới, nâng cấp quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa, nâng cao năng suất chất lượng và gia tăng giá trị sản phẩm.

c) Hỗ trợ áp dụng các sản phẩm, giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số nhằm thay đổi mô hình quản lý, sản xuất kinh doanh để tạo ra cơ hội, sản phẩm, doanh thu và giá trị mới trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

d) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại cơ sở CNNT.

đ) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá, lựa chọn giải pháp và xây dựng các mô hình về sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

e) Hỗ trợ liên kết các cơ sở CNNT với các cơ sở đào tạo trong nghiên cứu, sản xuất máy móc thiết bị tiên tiến; kết nối cung cấp về đầu tư máy móc thiết bị tiên tiến cho các cơ sở CNNT.

3. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn

a) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp xã; hỗ trợ sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia; hỗ trợ in, dán nhãn logo của chương trình bình chọn.

b) Tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm CNNT, sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các hoạt động kết nối giao thương khác (Hội nghị, hội thảo, diễn đàn); hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

c) Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu và đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu sản phẩm CNNT gắn với khu dân cư, khu du lịch, trung tâm hành chính (xã, tỉnh).

d) Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường. Hỗ trợ xây dựng website, gian hàng số, tài khoản mạng xã hội, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm CNNT và các hoạt động số hóa khác.

đ) Hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ, thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ; Hỗ trợ các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ; Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền nghề, tập nghề, phổ biến kinh nghiệm phát triển nghề của các Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

4. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp.

5. Hỗ trợ thông tin phát triển CNNT; công tác truyền thông

a) Xây dựng chương trình truyền hình, truyền thanh; phát hành các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Tăng cường các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông.

b) Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia các cuộc thi, phát động, triển lãm nhằm quảng bá thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công.

c) Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT. Hướng dẫn tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

d) Hỗ trợ công bố thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, thông tin chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ, các thông tin khác theo nhu cầu của các cơ sở CNNT trên trang thông tin điện tử của Sở Công Thương, của tỉnh và của Bộ Công Thương phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ khuyến công cho các cán bộ tư vấn viên, cộng tác viên khuyến công.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động khuyến công.

d) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm về hoạt động khuyến công tại các tỉnh, thành phố; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công.

đ) Kiện toàn bộ máy, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công tỉnh; Xây dựng và duy trì mạng lưới tư vấn viên, cộng tác viên khuyến công, hình thành mỗi xã, phường có 01 (một) cộng tác viên khuyến công.

e) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công trên địa bàn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Nguồn hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia; nguồn đối ứng từ các tổ chức, cá nhân tham gia chương trình; nguồn ngân sách địa phương và các nguồn

kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về công tác quản lý nhà nước

a) Các cấp ủy Đảng, chính quyền tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động khuyến công, coi khuyến công là một trong các giải pháp trọng tâm để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Thường xuyên rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy định về hoạt động khuyến công theo hướng hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, trong đó tập trung vào các nội dung mới có sức lan tỏa và tác động lớn đến phát triển CNNT, hỗ trợ các ngành nghề, sản phẩm tiêu biểu, chủ lực phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương và điều kiện thực tế của tỉnh.

c) Nâng cao chất lượng trong công tác khảo sát, xây dựng đề án khuyến công; tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện Đề án khuyến công đảm bảo nguồn kinh phí khuyến công được sử dụng đúng đối tượng, đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật, của tỉnh.

d) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động khuyến công và công nghiệp nông thôn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ từ chương trình khuyến công để tạo sự quan tâm, đồng thuận của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân.

đ) Tăng cường sự phối hợp hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân nhằm thúc đẩy hoạt động khuyến công.

2. Về huy động các nguồn tài chính cho hoạt động khuyến công

a) Chủ động, tranh thủ hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia hàng năm; đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các đề án hỗ trợ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Bảo đảm cân đối bố trí kinh phí khuyến công tỉnh hàng năm đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động khuyến công để triển khai thực hiện chương trình một cách hiệu quả nhất.

c) Vận động các cơ sở CNNT, tổ chức, cá nhân tích cực, tham gia vào hoạt động khuyến công.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Là Cơ quan Thường trực giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện chương trình này. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn UBND các xã, phường và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện Chương trình này. Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Công Thương xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình khuyến công địa phương hàng năm, trong đó đề xuất mức vốn đối ứng từ các tổ chức, cá nhân

tham gia chương trình và dự toán kinh phí khuyến công đề nghị ngân sách địa phương hỗ trợ theo quy định của pháp luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hiện hành.

c) Thường xuyên rà soát, nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách phù hợp, kiến nghị những biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích phát triển CNNT.

d) Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại (thuộc Sở Công Thương) là đầu mối trực tiếp triển khai các nhiệm vụ, đề án khuyến công được duyệt đảm bảo mục tiêu chương trình, kế hoạch đề ra.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp với Sở Công thương và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công tỉnh Hưng Yên theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổng hợp các đề án hỗ trợ hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cụm công nghiệp, lồng ghép với đề án, chương trình bảo vệ môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên.

b) Phối hợp tuyên truyền để các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất được biết và tham gia chương trình.

4. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Chủ động, bám sát tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Căn cứ nội dung của Chương trình, tổng hợp nhu cầu, phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn các cơ sở xây dựng đề án, đăng ký tham gia Chương trình.

5. Các sở, ngành liên quan khác, các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội

Các sở, ngành liên quan trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Công Thương để thực hiện có hiệu quả Chương trình khuyến công; thực hiện lồng ghép các dự án thuộc các chương trình mục tiêu của do ngành, đơn vị mình quản lý với các đề án khuyến công thuộc Chương trình này để triển khai thực hiện.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện Chương trình khuyến công trên địa bàn.

b) Phối hợp với Sở Công Thương trong công tác chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khuyến công hàng năm của tỉnh; kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện, sử dụng kinh phí khuyến công của các đề án thuộc địa bàn quản lý; giải quyết kịp thời khó khăn tháo gỡ vướng mắc tạo điều kiện để công nghiệp nông thôn phát triển.

7. Chế độ thông tin, báo cáo định kỳ

a) Định kỳ trước ngày 22 tháng 12 hằng năm, các sở, ngành, đơn vị liên quan, UBND các xã, phường tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Công Thương). Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra

tình hình thực hiện hàng năm; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương trước ngày 31 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu.

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Công Thương) để xem xét, giải quyết./.